TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 8 - 2023
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai; ông Trần Thanh Hoàng.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2023/TLST-HN&GĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 16, khóm TH, phường NB, thị xã TB, tỉnh AG; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ 16, khóm TH, phường NB, thị xã TB, tỉnh AG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H (sau đây gọi tắt là bà H) trình bày:

Năm 2005, bà với ông Lê Văn T tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang vào ngày 14/6/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và chồng nợ nần bỏ nhà đi từ 05 đến 06 tháng nay không về nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 27/7/2005 và Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 08/8/2014 hiện do bà đang nuôi dạy. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 07/7/2023, bị đơn ông Lê Văn T (sau đây gọi tắt là ông T) trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, thống nhất theo lời khai cũng như yêu cầu của bà H; ông đồng ý ly hôn với bà H, đồng ý giao 02 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 27/7/2005 và Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 08/8/2014 cho bà H được tiếp tục nuôi dạy, ông không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt do đi làm xa.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H, bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt, vẫn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu:

Về tố tụng, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, cơ bản thực hiện đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H; giao 02 con chung cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T; ông T cư trú trên địa bàn thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bà H, ông T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Thị Bích H và ông Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01, ngày 14/6/2005 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống bà H, ông T có nhiều mâu thuẫn. Ông T đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng: Bà H hiện đang là người trực tiếp nuôi dạy 02 con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 27/7/2005 và Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 08/8/2014, bà H có yêu cầu được tiếp tục là người trực tiếp nuôi con; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dạy, ông không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà H, bà H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Hoàng A và Lê Ngọc Anh T, ông T không cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn ông Lê Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01, ngày 14/6/2005 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Bích H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Hoàng A, sinh ngày 27/7/2005 và Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 08/8/2014; ông Lê Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Bích H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2022/0008910 ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên. Bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung